

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2019/HS-PT

Ngày 01 - 3 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Xuân

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Xuân Việt; Ông Trần Hữu Sỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Quang Minh - Thẩm tra viên TAND tỉnh Quảng Bình;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Diệu Thuý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 3 năm 2019, tại Trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 02/2019/TLPT-HS ngày 04 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Lê Minh T do có kháng cáo của bị cáo Lê Minh T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình;

- Bị cáo có kháng cáo: Lê Minh T, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1991 tại xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Đăng ký nhân khẩu thường trú và chỗ ở hiện tại: Thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hoá: Lớp 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh X và bà Nguyễn Thị D; có vợ là Đinh Thị L và 02 con sinh các năm 2013 và 2016; tiền án: Không, tiền sự: Không; bị cáo không bị tạm giữ, không bị tạm giam, hiện đang tại ngoại theo Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Minh T tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Hoàng Minh Tiến – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình, có mặt.

Vụ án có bị hại là ông Trần Văn D nhưng không có kháng cáo, Bản án sơ thẩm không bị kháng nghị nên Toà án không triệu tập tham gia phiên tòa phúc thẩm.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 08 giờ ngày 24 tháng 3 năm 2018, vợ chồng ông Trần Văn D và bà Lê Thị S ở thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Quảng Bình cùng ông Lê Văn C và một số người khác lên khu vực Khe Dĩa thuộc thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình để trồng keo trầm cho gia đình ông Lê Thanh V. Rừng bên cạnh có vợ chồng Lê Minh T, Đinh Thị L cũng đang trồng keo. Do mâu thuẫn trong tranh chấp đất trồng rừng từ trước nên giữa bà Đinh Thị L vợ Lê Minh T và bà Lê Thị S vợ ông Trần Văn D xảy ra cãi cọ. Bà S chạy sang phần đất của gia đình bị cáo Lê Minh T đánh bà Lê Thị L. T đến can ngăn thì bị ông Trần Văn D và ông Lê Văn C chạy đến dùng tay đấm vào mặt. Do bị đánh nên T gọi điện báo cho anh ruột của T là ông Lê Minh O biết và bảo ông O đến giúp. Sau đó T đến xe mô tô của mình lấy cây dao rựa quay lại đuổi đánh ông Trần Văn D. Ông D nhặt 01 đũa cây keo trầm đỡ thì cây bị gãy nên ông D đi lùi và bị ngã. Khi ông D bị ngã, T trở sống lưng cây dao rựa đánh ông D 2 nhát, 1 nhát trúng vào cổ tay phải, 1 nhát trúng vào mạn sườn phải. Thấy vậy, bà S đến can ngăn nên T không đánh nữa. Lúc này, ông Lê Minh O đến hỏi T ai đánh T, T chỉ tay về phía ông D và ông C. Ông O nhặt lấy 1 cây gỗ có sẵn ở rừng đuổi ông C nhưng không đuổi kịp nên quay lại để đánh ông D. Khi O vừa vung cây gỗ lên thì bà S chạy đến can ngăn nên ông O đánh trúng vào tay bà S. Cùng lúc ông Lê Minh Q (anh trai của Lê Minh T) đến can ngăn nên việc xâu xé đánh nhau được chấm dứt.

Ông D được người nhà đưa đi chụp Xquang tại Phòng khám số 24 đường Lý Thường Kiệt, thị trấn K, huyện L. Ngày 09 tháng 4 năm 2018, ông D vào điều trị tại Bệnh viện đa khoa huyện L đến ngày 11 tháng 4 năm 2018 thì ra viện. Đến ngày 14 tháng 4 năm 2018, ông D đi chụp Xquang tại Phòng khám B đường Hùng Vương, thị trấn K, huyện L thì phát hiện gãy các cung sườn số X và XI. Ngày 23 tháng 4 năm 2018, ông D tiếp tục vào điều trị ở Bệnh viện đa khoa huyện L đến ngày 28 tháng 4 năm 2018 thì ra viện.

Kết luận giám định số 30/TgT ngày 24 tháng 5 năm 2018 của Trung tâm giám định Y khoa - Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình Kết luận tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông Trần Văn D tại thời điểm giám định là 13%.

Về trách nhiệm dân sự, ông Trần Văn D và bị cáo Lê Minh T thỏa thuận bị cáo Lê Minh T bồi thường cho ông Trần Văn D 30.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường được 15.000.000 đồng.

Cáo trạng số: 32/CT-VKSNDLT, ngày 02 tháng 11 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lệ Thủy truy tố bị cáo Lê Minh T về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Bộ luật hình sự năm 2015).

Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Lệ Thủy quyết định: Tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Lê Minh T 12 (mười

hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng các Điều 584, 585, 586 Bộ luật Dân sự; Điều 246 Bộ luật Tố tụng dân sự, công nhận sự thoả thuận của bị hại, bị cáo Lê Minh T phải bồi thường tiếp thiệt hại sức khoẻ và các khoản chi phí khác cho ông Trần Văn D số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu) còn lại chưa trả, thời hạn chậm nhất vào ngày 25 tháng 12 năm 2018.

Bản án sơ thẩm còn tuyên xử lý vật chứng; tuyên buộc bị cáo Lê Minh T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm, tuyên miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Minh T; tuyên buộc bị cáo Lê Minh T phải chịu lãi suất khi người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án; tuyên quyền kháng cáo Bản án sơ thẩm của bị cáo và bị hại.

Trong hạn luật định, ngày 29 tháng 11 năm 2018, bị cáo Lê Minh T có đơn kháng cáo xin được hưởng án treo và ngày 03 tháng 12 năm 2018 bị cáo có đơn xin miễn án phí với lý do thuộc diện hộ nghèo.

Ngày 15 tháng 02 năm 2019, bị cáo Lê Minh T giao nộp Biên lai nộp số tiền 15.200.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy bồi thường cho bị hại Trần Văn D và án phí hình sự sơ thẩm theo Quyết định của Bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Lê Minh T khai và thừa nhận hành vi phạm tội của bị cáo đúng như Cáo trạng truy tố và xét xử của Bản án sơ thẩm, giữ nguyên kháng cáo xin được hưởng án treo, rút nội dung xin miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo không tranh luận tội danh “Cố ý gây thương tích” khung hình phạt theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà Bản án sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo Lê Minh T, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét nguyên nhân phạm tội của bị cáo Lê Minh T xuất phát từ mâu thuẫn trong tranh chấp đất trồng rừng giữa bà Đinh Thị L vợ Lê Minh T với bà Lê Thị S vợ ông Trần Văn D. Bị cáo phạm tội do khi bị cáo đến can ngăn việc bà Lê Thị S vợ ông Trần Văn D đánh vợ bị cáo là bà Đinh Thị L thì bị ông Trần Văn D và ông Lê Văn C dùng tay nắm vào mặt nên bị cáo bức xúc dùng rựa trở sống lưng đánh lại ông Trần Văn D gây thương tích. Bị cáo phạm tội là do bị hại thực hiện hành vi trái pháp luật đối với bị cáo, gây kích động về mặt tinh thần; trước khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường đủ thiệt hại cho bị hại nên đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xem xét áp dụng thêm cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ này; Bị cáo hiện tại đang là lao động chính trong gia đình, gia đình bị cáo thuộc hộ nghèo, từ trước đến khi phạm tội bị cáo là công dân tốt để cho bị cáo được hưởng án treo, tạo cơ hội cho bị cáo được lao động, chăm lo cuộc sống gia đình.

Đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung bị cáo Lê Minh T xin miễn án phí hình sự sơ thẩm vì ngày 15 tháng 02 năm 2019, bị cáo Lê Minh T đã nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo Quyết định của Bản án sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã rút nội dung này.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố xét xử phúc thẩm vụ án đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T để sửa Bản án sơ thẩm, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Sau khi tranh tụng, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử, xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Theo lời khai nhận tội của bị cáo Lê Minh T tại phiên tòa phúc thẩm thống nhất với lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm và trong quá trình điều tra; phù hợp với lời khai của người bị hại; người làm chứng; Kết luận giám định của Trung tâm giám định Y khoa- Pháp y Sở Y tế tỉnh Quảng Bình và các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy Bản án hình sự sơ thẩm số 39/2018/HS-ST ngày 26 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xử tuyên bố bị cáo Lê Minh T phạm tội “Cố ý gây thương tích” là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

[1] Xét kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Minh T, Hội đồng xét xử thấy: Trong khi xô đẩy đánh nhau với ông Trần Văn D, Bị cáo Lê Minh T đã sử dụng dao rựa là hung khí nguy hiểm, dùng phần sóng rựa đánh 1 nhát trúng vào cổ tay phải, 1 nhát trúng vào mạn sườn phải ông Trần Văn D gây thương tích cho ông Trần Văn D theo Kết luận giám định 13% nên bị truy tố và xét xử theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 có hình phạt tù từ 03 năm đến 07 năm. Theo tình tiết, nội dung vụ án thì nguyên nhân phạm tội của bị cáo Lê Minh T xuất phát từ mâu thuẫn trong tranh chấp đất trồng rừng giữa bà Đinh Thị L vợ Lê Minh T và bà Lê Thị S vợ ông Trần Văn D nên khi bà S chạy sang phần đất của gia đình bị cáo, đánh vợ bị cáo là bà Lê Thị L, bị cáo đến can ngăn thì bị ông Trần Văn D và ông Lê Văn C chạy đến dùng tay nắm vào mặt nên bị cáo bức xúc dùng rựa trở sòng lưng đánh lại ông Trần Văn D gây thương tích. Bị cáo phạm tội do bức xúc bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của người bị hại, tình tiết này tuy đã được Bản án sơ thẩm đề cập nhưng khi quyết định hình phạt thì lại không cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ này đã được quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 mà chỉ áp dụng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo để xử phạt bị cáo mức án 12 tháng tù là chưa xem xét hết tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Xét về nguyên nhân phạm tội, quá trình nhân thân, hoàn cảnh gia đình của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng, đến khi xét xử phúc thẩm, bị cáo đã bồi thường đủ thiệt hại cho bị hại theo quyết định của Bản án sơ thẩm, thì bị cáo có đủ điều kiện để được hưởng án treo theo Nghị quyết số

02/2018/NQ-HĐTP, ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 về án treo. Theo đó để cấp phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm e khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 “Phạm tội trong trường hợp bị kích động về tinh thần do hành vi trái pháp luật của nạn nhân gây gây ra”; áp dụng Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015. Sửa Bản án sơ thẩm, giữ y mức 12 tháng tù đối với bị cáo Lê Minh T nhưng cho bị cáo được hưởng án treo để có điều kiện được tự cải tạo, lao động, chăm lo cuộc sống gia đình như quan điểm đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý - người bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa phúc thẩm là phù hợp.

[2] Đối với nội dung xin miễn án phí của bị cáo, thấy: Ngày 15 tháng 02 năm 2019, bị cáo đã nộp số tiền 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lê Thủy, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo rút nội dung xin miễn án phí nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu xin miễn án phí của bị cáo.

[3] Đối với số tiền 15.000.000 đồng mà bị cáo đã nộp bồi thường cho bị hại Trần Văn D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lê Thủy theo Biên lai thu số AA/2015/No 0001027, ngày 15 tháng 02 năm 2019, được khấu trừ vào số tiền mà Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên buộc bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại.

[4] Về án phí hình sự phúc thẩm đối với bị cáo Lê Minh T.

Bị cáo Lê Minh T kháng cáo được chấp nhận nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355, điểm e khoản 2 Điều 357; khoản 2 các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Minh T để sửa Bản án sơ thẩm. Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; các điểm b, e, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; các khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015 đối với bị cáo Lê Minh T. Xử phạt bị cáo Lê Minh T 12 (Mười hai) tháng tù cho hưởng án treo

về tội “Cố ý gây thương tích”, thời gian thử thách án treo đối với bị cáo là 24 (hai bốn) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm (01 tháng 3 năm 2019).

Giao bị cáo Lê Minh T cho UBND xã T, huyện L, tỉnh Quảng Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách án treo, gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp cùng chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong thời gian thử thách mà bị cáo Lê Minh T thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về Thi hành án Hình sự. Trong thời gian thử thách mà bị cáo Lê Minh T cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Toà án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của Bản án đã cho hưởng án treo.

2. Đình chỉ xét xử phúc thẩm nội dung xin miễn án phí hình sự sơ thẩm của bị cáo Lê Minh T.

3. Số tiền 15.000.000 đồng bị cáo Lê Minh T đã nộp bồi thường cho bị hại Trần Văn D tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy theo Biên lai thu số AA/2015/No 0001027, ngày 15 tháng 02 năm 2019, được khấu trừ vào số tiền bị cáo phải bồi thường tiếp cho bị hại theo quyết định của Bản án sơ thẩm.

4. Bị cáo Lê Minh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm về xử lý vật chứng vụ án; về công nhận sự thỏa thuận số tiền phải bồi thường giữa bị cáo Lê Minh T và bị hại Trần Văn D; về miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Minh T, không có kháng cáo, không bị kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án phúc thẩm (01 tháng 3 năm 2019).

Nơi nhận:

- Theo khoản 2 Điều 262 BLTTHS;
- Phòng HSNVCS CAQB;
- Vụ GDKT 1 TAND TC;
- Sở Tư pháp QB;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn THS, VP TAQB.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Xuân

